

Số: 321.../BC-ĐGS

Tân Yên, ngày 05 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cấp mục tiêu từ cấp trên trong 2 năm 2017, 2018

Thực hiện Chương trình giám sát năm 2019 của HĐND huyện; Kế hoạch số 187/KH-ĐGS ngày 05/8/2019 của Đoàn giám sát việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cấp mục tiêu từ cấp trên trong 2 năm 2017, 2018. Trên cơ sở kết quả giám sát thực tế tại các cơ quan, đơn vị: Phòng Tài chính- Kế hoạch, Phòng NN&PTNT, Phòng TN&MT, Phòng LĐ-TB&XH huyện và UBND 10 xã: Ngọc Vân, Ngọc Lý, Quế Nham, Cao Thượng, Đại Hóa, Quang Tiến, Nhã Nam, Tân Trung, Phúc Hòa, Ngọc Châu. Kết quả giám sát như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1. Tình hình chung và công tác quản lý kinh phí cấp mục tiêu

Hàng năm, căn cứ vào quyết định của UBND tỉnh về giao dự toán ngân sách nhà nước, phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu với UBND huyện trình HĐND huyện ban hành nghị quyết về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó, UBND huyện ra quyết định giao dự toán kinh phí cho cấp xã và các đơn vị dự toán trực thuộc ngân sách huyện. Trong năm, khi ngân sách cấp trên bổ sung kinh phí mục tiêu về hoặc ngân sách huyện thu vượt tiền sử dụng đất, phòng Tài chính- Kế hoạch tham mưu với UBND huyện cấp kinh phí cho các đơn vị dự toán và UBND các xã, thị trấn để thực hiện. Cụ thể kinh phí mục tiêu tỉnh cấp về ngân sách huyện và các xã, thị trấn trong năm 2017, 2018 như sau:

Năm 2017 tổng số cấp là 77.882 triệu đồng. Trong đó: Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách về con người là 19.648 triệu đồng; kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 23.151 triệu đồng, còn lại là lĩnh vực khác. Đã sử dụng, thanh toán 74.514 triệu đồng; chuyển nguồn sang năm 2018 là 3.368 triệu đồng.

Năm 2018, tổng kinh phí cấp 150.528 triệu đồng, trong đó: Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách về con người là 23.445 triệu đồng; kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 24.047 triệu đồng, còn lại là lĩnh vực khác. Đã sử dụng và thanh toán là 125.047 triệu đồng; số chuyển nguồn sang năm 2019 là 21.303 triệu đồng, kết dư ngân sách 4.177 triệu đồng.

Kinh phí ngân sách huyện (chủ yếu thu tiền sử dụng đất) đã cấp cho các xã, thị trấn: Năm 2017 là 33.104 triệu đồng, năm 2018 là 73.925 triệu đồng. Kinh phí sử dụng cho một số nội dung đầu tư xây dựng một số công trình, hỗ trợ trả

nợ xây dựng cơ bản của xã, kinh phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng đầu giá đất, hỗ trợ làm đường BTXM, kinh phí dồn đổi ruộng, hỗ trợ xử lý rác thải...

Về công tác quản lý, sử dụng kinh phí cấp mục tiêu: Trong 2 năm, UBND huyện đã ban hành 19 văn bản các loại. Hằng năm, UBND huyện tổ chức 01 hội nghị kiểm điểm về công tác quản lý ngân sách xã, thị trấn, 01 hội nghị kiểm điểm công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Qua đó đã hướng dẫn thực hiện dự toán NSNN, chấn chỉnh công tác kế toán - tài chính ngân sách, chỉ đạo điều hành thực hiện dự toán ngân sách cuối năm và công tác quản lý đầu tư xây dựng đối với cấp xã.

Công tác thanh, kiểm tra, thẩm định quyết toán ngân sách được quan tâm thực hiện. Trong 2 năm, Thanh tra huyện đã thanh tra: 02 cuộc về quản lý và sử dụng ngân sách tại xã Nhã Nam và thị trấn Nhã Nam, qua thanh tra đã phát hiện sai phạm số tiền 243,745 triệu đồng, giảm trừ quyết toán 96,773 triệu, thu hồi 67,212 triệu đồng; 01 cuộc thanh tra quản lý đầu tư xây dựng cơ bản các công trình do HTX dùng nước làm chủ đầu tư, qua thanh tra phát hiện sai phạm số tiền 94,025 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 94,025 triệu đồng; 02 cuộc thanh tra kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa, đã phát hiện sai phạm số tiền là 69,852 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 26,457 triệu đồng; 02 cuộc thanh tra xây dựng cơ bản, đã phát hiện sai phạm số tiền 969,431 triệu đồng, giảm trừ quyết toán 891,204 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 375,113 triệu đồng. Hằng năm, phòng Tài chính- Kế hoạch huyện tiến hành thẩm định quyết toán ngân sách các xã, thị trấn và các đơn vị dự toán trực thuộc. Qua thẩm định quyết toán ngân sách huyện đã đề nghị hoàn trả ngân sách tinh năm 2017 là 56,031 triệu đồng, năm 2018 là 44,699 triệu đồng; ngân sách cấp xã hoàn trả ngân sách huyện năm 2017 là 130,718 triệu đồng do hết nhiệm vụ chi.

Công tác kiểm soát chi của Kho bạc huyện đối với các nội dung chi từ kinh phí cấp mục tiêu khá chặt chẽ, bảo đảm thanh toán đầy đủ, kịp thời; thường xuyên kiểm tra, rà soát lại các hồ sơ dự án theo kế hoạch; đôn đốc chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thanh toán vốn chương trình mục tiêu đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích.

Nhìn chung, nguồn kinh phí cấp mục tiêu từ cấp trên về huyện và các xã, thị trấn và kinh phí nguồn huyện cấp mục tiêu cho các xã, thị trấn được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, việc quyết toán đảm bảo theo quy định. Qua đó, đã góp phần thực hiện tốt được các chế độ chính sách, đảm bảo an sinh xã hội, cơ sở vật chất dần đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân.

2. Kết quả giám sát đối với một số loại kinh phí cụ thể:

2.1. Kinh phí cấp bù thủy lợi phí

Nguồn kinh phí này được ngân sách nhà nước cấp để bù cho khoản thu thủy lợi phí của các hộ nông dân theo diện tích đất nông nghiệp. Tổng kinh phí được cấp về huyện năm 2017 là 9.692 triệu đồng, năm 2018 được cấp 9.744 triệu đồng (có biểu chi tiết kèm theo). Số kinh phí này được cấp trực tiếp cho các

Hợp tác xã dùng nước và dịch vụ nông nghiệp các xã thông qua tài khoản tại Ngân hàng NN&PTNT huyện do Giám đốc HTX làm chủ tài khoản. Các HTX sử dụng kinh phí theo dự toán đã thông qua UBND xã, phòng Tài chính kế hoạch huyện. Các HTX đều mở sổ sách kế toán theo quy định để theo dõi, quản lý (*một số xã công chức Tài chính- Kế toán xã kiêm kế toán HTX*). Kinh phí này được sử dụng theo Hướng dẫn số 09/HDLS-SNN-STC ngày 14/7/2010 của Sở Nông nghiệp và PTNT và sở Tài chính. Nội dung chi: Chi phí tiền công, tiền lương; chi phí tiền điện, xăng, dầu bơm nước; khấu hao tài sản cố định; chi phí tu bổ, sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi; các khoản chi phí quản lý liên quan đến công tác phục vụ tưới, tiêu nước... việc thanh quyết toán do các HTX thực hiện, UBND cấp xã xác nhận vào báo cáo quyết toán và gửi phòng Tài chính huyện.

Hàng năm, trên cơ sở diện tích đất nông nghiệp do HTX dùng nước các xã đảm nhiệm việc tưới tiêu được phòng NN&PTNT huyện thẩm định, phòng TC-KH huyện tham mưu với UBND huyện cấp kinh phí cho các HTX. Qua giám sát thấy, diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm do chuyển sang đất công nghiệp, dịch vụ, xây dựng hạ tầng và đất ở. Kinh phí trên cấp về cho huyện 2 năm gần như nhau (9,692 tỷ và 9,744 tỷ). Nhưng một số xã kinh phí được cấp năm sau cao hơn năm trước¹. Như vậy, kinh phí cấp có sự biến động lớn giữa các năm trong khi diện tích thuộc phạm vi phục vụ của các HTX cơ bản ổn định. Vậy việc thẩm định số liệu diện tích của cơ quan chuyên môn huyện chưa sát với thực tế.

Về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí: Một số nơi chi cho hoạt động bộ máy HTX chiếm tỷ lệ cao, nên kinh phí đầu tư bổ, xây dựng hạ tầng kênh mương bị hạn chế, làm giảm hiệu quả sử dụng kinh phí. Hiện nay việc xây dựng các công trình hạ tầng tưới tiêu do HTX làm chủ đầu tư; các HTX rút tiền bằng lệnh chi, ngân hàng không kiểm soát chứng từ; UBND xã chỉ ký xác nhận chứng từ thanh toán khi HTX làm báo cáo quyết toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. UBND xã chưa thực sự quản lý được việc sử dụng kinh phí. Qua thanh tra đã phát hiện một số sai phạm và phải thu hồi... Như vậy cơ chế quản lý loại kinh phí này hiện còn bất cập.

2.2. Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

Tổng kinh phí được cấp năm 2017 là 351 triệu. Số kinh phí này do phòng LĐTBXH huyện quản lý. Đã sử dụng để hỗ trợ nhân rộng mô hình thủy sản xã Liên Chung, số tiền 300 triệu đồng; chi cho các hoạt động nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, số tiền 51 triệu đồng. Số kinh phí này đã sử dụng và quyết toán ngân sách cấp huyện.

Năm 2018, kinh phí được cấp là 518,8 triệu, kinh phí do phòng LĐTBXH huyện quản lý sử dụng để chi cho các hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo,

¹ Xã Ngọc Thiện năm 2017 được cấp 360 triệu, năm 2018 được cấp 449 triệu; xã Ngọc Lý năm 2017 được cấp 518 triệu, năm 2018 cấp 675 triệu; xã An Dương năm 2017 cấp 251 triệu, năm 2018 cấp 368 triệu; một số xã năm sau được cấp ít hơn năm trước (xã Việt Lập năm 2017 được cấp 735 triệu, năm 2018 cấp 683 triệu; xã Tân Trung năm 2017 cấp 441 triệu, năm 2018 cấp 406 triệu...)

số tiền 460 triệu²; giao các xã, thị trấn 58,8 triệu đồng để chi các hoạt động nâng cao chất lượng giám sát, đào tạo, tập huấn, quản lý chương trình. Số kinh phí đã được sử dụng và quyết toán ngân sách cấp huyện, số hoàn trả ngân sách cấp trên do hết nhiệm vụ chi là 15,040 triệu đồng (*có biểu chi tiết kèm theo*).

Qua giám sát thấy, nguồn kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo được các cơ quan, đơn vị sử dụng đúng nội dung theo quyết định cấp kinh phí mục tiêu của chủ tịch UBND huyện; tiến độ thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng được hỗ trợ. Qua đó, đã góp phần hỗ trợ các hộ nghèo phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên, trong báo cáo quyết toán chưa được tổng hợp chi tiết, cụ thể.

2.3. Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

*** Ngân sách cấp trên cấp mục tiêu về huyện:**

Năm 2017, trên cấp mục tiêu về huyện là 23.151 triệu đồng. Trong đó, giao cho phòng NN&PTNT huyện 2.212 triệu đồng để chi hỗ trợ các xã xây dựng điểm thu gom rác thải, hỗ trợ mua xe chở rác và chế phẩm sinh học, chi phí trung bày sản phẩm, hỗ trợ xây dựng hạ tầng HTX Quang Trung xã Lan Giới và chi quản lý chương trình. Phòng NN&PTNT huyện đã thực hiện đúng nhiệm vụ chi theo quyết định cấp mục tiêu, đã quyết toán 1.439 triệu, chuyển nguồn sang 2018 là 773 triệu đồng³. Phòng TNMT huyện 1.729 triệu đồng để chi mua xe chở rác cho các xã, mua lò đốt rác xã Việt Lập. Nguồn kinh phí đã được sử dụng và quyết toán ngân sách huyện. Các xã được cấp 19.210 triệu đồng để đầu tư các công trình xây dựng nông thôn mới, kinh phí được quyết toán ngân sách huyện. Số kinh phí không chi hết đã hoàn trả ngân sách cấp trên là 56,031 triệu đồng.

Năm 2018, tổng kinh phí được cấp là 24.047 triệu đồng. Trong đó, kinh phí cấp cho phòng NN&PTNT huyện 1.164 triệu đồng để chi hỗ trợ sản xuất và chi quản lý, số tiền 260 triệu đồng; chi hỗ trợ hạ tầng HTX Quang Vinh- xã Cao Xá số tiền 904 triệu đồng. Phòng đã chi 260 triệu và quyết toán theo ngân sách huyện. Nội dung chi hỗ trợ HTX Quang Vinh được chuyển nguồn sang năm 2019. Kinh phí cấp cho các xã 22.883 triệu đồng để xây dựng các công trình theo kế hoạch về đích nông thôn mới. Số kinh phí không chi hết đã hoàn trả ngân sách cấp trên là 28,139 triệu đồng.

Trong chương trình NTM có kinh phí thực hiện dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Năm 2017, cấp trên cấp về huyện 927 triệu đồng. Trong đó, kinh phí đào tạo nghề 351 triệu, hỗ trợ tiền ăn cho các đối tượng chính sách tham gia học nghề là 576 triệu đồng. Năm 2018 được cấp 744 triệu đồng. Trong đó, kinh phí đào tạo nghề là 624 triệu đồng, hỗ trợ tiền ăn 120 triệu đồng. Số kinh phí này giao cho phòng LĐTBXH huyện quản lý, sử dụng theo các nội dung, danh mục nghề được tỉnh phân bổ, kinh phí được quyết toán ngân sách tỉnh.

² Dự án nuôi bò xã Nhã Nam và Lan Giới số tiền 435 triệu; chi hoạt động truyền thông về giảm nghèo số tiền 25 triệu

³ Chuyển nguồn kinh phí hỗ trợ sản xuất 250 triệu, kinh phí hỗ trợ HTX Quang Trung 523 triệu

* *Ngân sách huyện cấp mục tiêu cho các xã (theo Nghị quyết số 44/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 và Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về hỗ trợ xây dựng nông thôn mới):*

Năm 2017 huyện cấp 5.400 triệu đồng, năm 2018 cấp 6.000 triệu đồng. Số kinh phí này các xã sử dụng để xây dựng các công trình NTM theo mức quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND của HĐND huyện và quyết toán ngân sách cấp xã (*có biểu chi tiết kèm theo*).

Nhìn chung, nguồn kinh phí mục tiêu từ trên cấp về huyện và từ ngân sách huyện cấp cho các xã được huyện và các xã quản lý, sử dụng đúng mục đích nhằm thực hiện các tiêu chí về đích nông thôn mới. Qua đó đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, góp phần làm cho bộ mặt nông thôn ngày càng phát triển.

Qua giám sát thấy, nội dung chi hỗ trợ mô hình sản xuất, cơ sở hạ tầng HTX nông nghiệp tỷ lệ thực hiện 2 năm đạt thấp, số kinh phí chuyển nguồn lớn⁴. Và năm 2017, hầu hết các xã không ban hành nghị quyết của HĐND về đầu tư công nhưng vẫn thực hiện đầu tư và thanh toán kinh phí.

2.4. Kinh phí để xây dựng công trình thuộc lĩnh vực giao thông, chỉnh trang đô thị

* *Kinh phí cấp làm đường bê tông xi măng theo Nghị quyết 07 của HĐND tỉnh:*

Năm 2017, ngân sách tỉnh cấp 15.570 triệu đồng, ngân sách huyện cấp cho các xã, thị trấn 4.032 triệu đồng. Năm 2018, ngân sách tỉnh cấp 29.742 triệu đồng, ngân sách huyện cấp cho các xã, thị trấn 6.539 triệu đồng (*có biểu chi tiết kèm theo*). Kinh phí tỉnh cấp đã hỗ trợ cho các xã, thị trấn thanh toán tiền xi măng; ngân sách huyện hỗ trợ tiền cước vận chuyển xi măng đến chân công trình. Nguồn kinh phí này được các xã, thị trấn quản lý, sử dụng đúng mục đích và quyết toán ngân sách cấp xã. Năm 2018 chuyển nguồn sang 2019 là 11.665 triệu đồng.

Qua giám sát thấy, việc giải ngân vốn và làm hồ sơ quyết toán chậm; trong báo cáo quyết toán nhiều xã, thị trấn không thể hiện chi tiết kinh phí hỗ trợ từng công trình mà tổng hợp quyết toán chung vào sự nghiệp kinh tế nên hạn chế sự công khai minh bạch và giám sát của HĐND.

* *Về kinh phí trên cấp mục tiêu cho các công trình do huyện làm chủ đầu tư.*

Trong 2 năm tỉnh cấp cho huyện thực hiện 10 công trình⁵, số tiền 53.952 triệu đồng; đã thanh toán 46.522 triệu đồng, chuyển nguồn 6.631 triệu đồng, hoàn trả ngân sách cấp trên là 796 triệu đồng⁶. Kinh phí cấp được quản lý, sử dụng đúng danh mục công trình theo quyết định; đã quyết toán ngân sách cấp tỉnh (*riêng công trình đường Cao Xá- Lam Cốt quyết toán ngân sách Trung ương*).

⁴ Kinh phí hỗ trợ mô hình sản xuất năm 2017 chuyển nguồn 250/500 triệu đồng; kinh phí cơ sở hạ tầng HTX năm 2017 chuyển nguồn 523/523 triệu đồng, năm 2018 chuyển nguồn 904 triệu

⁵ Công trình nâng cấp nhà làm việc các đơn vị sự nghiệp, dự án mở rộng đường vào khu lưu niệm 6 điều Bác hồ dạy CAND, cải tạo nâng cấp đường Cao Xá - Lam Cốt, trạm y tế các xã

⁶ Dự án giải phóng mặt bằng đường vào khu lưu niệm 6 điều Bác hồ dạy CAND 651 triệu, dự án mở rộng đường vào khu lưu niệm 29 triệu, nâng cấp nhà làm việc các đơn vị sự nghiệp 116 triệu

** Kinh phí nguồn huyện cấp cho các công trình do xã làm chủ đầu tư:*

Năm 2017 huyện cấp 10.540 triệu đồng, năm 2018 cấp 44.561 triệu đồng để các xã, thị trấn thực hiện các công trình làm đường giao thông, chỉnh trang đô thị, trụ sở cơ quan và nhà văn hóa... *(có biểu chi tiết kèm theo)*. UBND huyện quyết định cấp kinh phí cho từng công trình do xã làm chủ đầu tư. Số kinh phí này thực hiện quyết toán ngân sách huyện. Năm 2017 quyết toán 9,758 tỷ đồng, chuyển nguồn 781 triệu đồng. Năm 2018 quyết toán 38,351 tỷ đồng, chuyển nguồn 6,651 tỷ, hoàn trả ngân sách 339 triệu.

Qua giám sát thấy nhiều công trình không có trong Nghị quyết của HĐND các xã, thị trấn về đầu tư công; việc cấp kinh phí còn chậm *(do cuối năm khi có tăng thu tiền sử dụng đất, phòng TCKH tham mưu cấp)*; việc thanh quyết toán không được báo cáo cụ thể với HĐND xã nên hạn chế sự công khai minh bạch và giám sát của HĐND.

2.5. Kinh phí huyện cấp mục tiêu để xây dựng các công trình hạ tầng đất đầu giá

Năm 2017, huyện cấp cho các xã, thị trấn tổng số 6.592 triệu đồng. Năm 2018 cấp 9.125 triệu đồng, để thực hiện các dự án giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng đất đầu giá tại một số đơn vị *(có biểu chi tiết kèm theo)*. Số kinh phí này được chi giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng đất đầu giá đất. Kinh phí được quyết toán ngân sách huyện, cụ thể, năm 2017 quyết toán 6.277 triệu đồng, chuyển nguồn 48 triệu đồng, hoàn trả ngân sách huyện là 267 triệu đồng; năm 2018 quyết toán 8.393 triệu, chuyển nguồn 710 triệu, hoàn trả ngân sách huyện là 429 triệu đồng.

Qua giám sát thấy, các công trình hạ tầng đất đầu giá do xã làm chủ đầu tư thực hiện quyết toán ngân sách huyện nên không báo cáo quyết toán với HĐND xã.

2.6. Kinh phí xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn (từ nguồn bảo vệ và phát triển đất trồng lúa)

Kinh phí mục tiêu cấp trên cấp về huyện năm 2017 là 3.401 triệu đồng, thực hiện 8 công trình⁷; năm 2018 cấp 1.178 triệu đồng, thực hiện 4 công trình⁸. Số kinh phí này được huyện cấp theo danh mục công trình, các xã thanh toán theo đúng công trình được cấp. Năm 2017 quyết toán ngân sách cấp xã, năm 2018 quyết toán ngân sách cấp huyện *(có biểu chi tiết kèm theo)*.

Qua giám sát, một số công trình xã không đưa vào Nghị quyết của HĐND về đầu tư công. Trong 2 năm, kinh phí tập trung cấp cho 5 đơn vị; còn một số xã có diện tích đất trồng lúa lớn nhưng nhiều năm qua chưa được quan tâm đầu tư hạ tầng nông nghiệp nông thôn.

⁷ 1 công trình kênh mương thuộc xã An Dương, 7 công trình đường nội đồng thuộc các xã Liên Chung, Ngọc Vân, Việt Lập, Việt Ngọc

⁸ Đường nội đồng thuộc các xã Ngọc Vân, Việt Ngọc, Liên Chung

2.7. Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học

Năm 2017, ngân sách trung ương, tỉnh cấp 12.000 triệu đồng, ngân sách huyện cấp cho các xã, thị trấn 5.300 triệu đồng; năm 2018, ngân sách trung ương, tỉnh cấp 3.500 triệu đồng, ngân sách huyện cấp cho các xã, thị trấn 7.300 triệu đồng (có biểu chi tiết kèm theo). Kinh phí được sử dụng để đầu tư xây dựng 18 công trình cơ sở vật chất trường lớp học. Năm 2017 kinh phí được quyết toán ngân sách cấp xã, đã sử dụng và quyết toán 17.293 triệu đồng, kết dư ngân sách huyện 7 triệu đồng. Năm 2018 quyết toán ngân sách cấp huyện, đã sử dụng và quyết toán 10.800/10.800 triệu đồng.

Qua giám sát tại các xã thấy, nhiều công trình xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học không có trong nghị quyết của HĐND xã về đầu tư công hàng năm; trong tổng hợp quyết toán kinh phí các xã, thị trấn không tách riêng nội dung chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học nên hạn chế sự công khai minh bạch và giám sát của HĐND.

2.8. Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất y tế

Năm 2017, ngân sách huyện cấp cho các xã, thị trấn 1.240 triệu đồng⁹. Năm 2018 cấp 400 triệu đồng cho xã Đại Hóa để cải tạo trạm y tế xã, đã quyết toán 400 triệu. Kinh phí đã cấp thực hiện quyết toán ngân sách huyện (có biểu chi tiết kèm theo).

II. NHẬN XÉT CHUNG

Nhìn chung, nguồn kinh phí cấp mục tiêu từ cấp trên về huyện và kinh phí huyện cấp mục tiêu cho các xã, thị trấn được UBND huyện quan tâm quản lý. UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả; cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng; hằng năm đã thực hiện thẩm tra việc thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cấp mục tiêu trong 2 năm còn một số hạn chế đó là:

- Việc quản lý kinh phí cấp bù thủy lợi phí còn chưa chặt chẽ, hiệu quả sử dụng chưa cao. Một số HTX sử dụng phần lớn nguồn kinh phí để chi hoạt động bộ máy (chi tiền công, tiền lương và các khoản đóng góp theo lương); việc dành kinh phí để chi đầu tư hạ tầng phục vụ tưới tiêu còn chưa nhiều; việc nghiệm thu xác định diện tích tưới tiêu do HTX phục vụ còn chưa sát thực tế dẫn đến phân bổ kinh phí cho các đơn vị có sự biến động lớn qua từng năm; việc quyết toán nguồn kinh phí này chưa được kiểm soát chặt chẽ, UBND các xã chủ yếu ký xác nhận hồ sơ quyết toán.

- Một số kinh phí mục tiêu từ trên cấp về huyện muộn nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các công trình. Kinh phí huyện cấp mục tiêu cho cấp xã lấy từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất thường vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ

⁹ Quang tiền 1.000 triệu đồng để hỗ trợ thanh toán xây dựng trạm y tế và công trình phụ trợ, đã quyết toán 944,6 triệu đồng, hoàn trả ngân sách huyện 55,54 triệu đồng; xã Việt Lập 240 triệu đồng để sửa chữa nhà làm việc trạm y tế, đã quyết toán 240 triệu đồng

thi công và hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán. Việc giải ngân thực hiện một số chương trình, mục tiêu còn chậm. Tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân và thực hiện quyết toán làm đường bê tông xi măng theo Nghị quyết 07 của HĐND tỉnh còn chậm.

- Kinh phí mục tiêu trên cấp hỗ trợ các xã thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản nhiều công trình không có trong Nghị quyết đầu tư công ban hành đầu năm, không được điều chỉnh, bổ sung trong năm. Một số công trình do cấp xã làm chủ đầu tư được huyện cấp kinh phí thanh toán và quyết toán ngân sách huyện nên không tổng hợp báo cáo chi tiết với HĐND.

- Một số khoản kinh phí mục tiêu cấp để đầu tư phát triển, trong báo cáo quyết toán trình HĐND nhiều xã, thị trấn không nêu chi tiết theo danh mục công trình làm hạn chế sự minh bạch thông tin và giám sát của HĐND.

- Một số loại kinh phí cấp mục tiêu từ cấp trên về huyện và các xã, thị trấn để thực hiện một số công trình, dự án không sử dụng hết, số hoàn trả ngân sách lớn¹⁰.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt một số nội dung:

- Có văn bản kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét sửa đổi cơ chế cấp, quản lý sử dụng kinh phí bù thủy lợi phí và xem xét lại tổ chức, hoạt động của HTX dùng nước.

- Yêu cầu Phòng NN&PTNT phối hợp với phòng TN&MT và UBND các xã rà soát lại diện tích đất nông nghiệp do HTX dùng nước đảm nhiệm tưới tiêu làm căn cứ cấp kinh phí bù thủy lợi phí. Phòng TCKH, UBND các xã tăng cường quản lý, chỉ đạo các HTX dùng nước sử dụng kinh phí cấp bù thủy lợi phí có hiệu quả.

- Kho bạc nhà nước huyện kiểm soát chặt chẽ hồ sơ, chứng từ chi kinh phí cấp mục tiêu và kinh phí hỗ trợ các xã, thị trấn đầu tư phát triển. Chỉ chấp nhận cho thanh toán vốn khi công trình thuộc danh mục theo Nghị quyết của HĐND về đầu tư công; nếu công trình phát sinh thì phải có văn bản thống nhất của Thường trực HĐND.

2. Đề nghị Thường trực HĐND các xã, thị trấn:

- Hằng năm, trình HĐND ban hành Nghị quyết về đầu tư công cụ thể về danh mục công trình và nguồn vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Quan tâm giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cấp mục tiêu và các khoản kinh phí khác từ cấp trên; chú trọng giám sát việc sử dụng kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí cấp để thanh toán các công trình do cấp xã làm chủ đầu tư nhưng quyết toán ngân sách cấp trên.

¹⁰ Công trình cải tạo nhà làm việc khối sự nghiệp 116/800 triệu, dự án GPMB mở rộng đường vào khu lưu niệm 6 điều Bác hồ dạy CAND 651/818 triệu, đường BTXM từ 295 đi Suối Dài xã Ngọc Vân 285/500 triệu

- Yêu cầu UBND tổng hợp đầy đủ, chi tiết từng loại kinh phí được ngân sách cấp trên cấp thanh toán các nội dung kinh tế phát sinh báo cáo với HĐND tại các kỳ họp thường lệ trong năm.

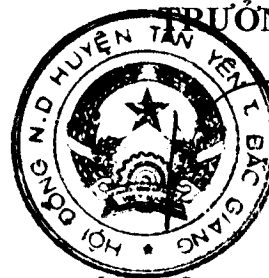
Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cấp mục tiêu từ cấp trên trong các năm 2017, 2018. Đoàn giám sát báo cáo HĐND huyện xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Lưu VT.

Bản điện tử:

- Thường trực HU, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan: TC KH, NN&PTNT, LĐ-TB&XH huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các đồng chí thành viên ĐGS;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVHĐ.



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Nguyễn Thế Toàn

TỔNG HỢP
Kinh phí cấp bù thủy lợi phí năm 2017-2018

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Tổng	Chia ra	
			Năm 2017	Năm 2018
1	HTX dùng nước Ngọc Vân I	1.172,94	592,081	580,854
2	HTX dùng nước Ngọc Vân II	948,66	478,863	469,798
3	HTX dịch vụ nước nông nghiệp Cao Xá I	581,96	302,183	279,775
4	HTX dịch vụ nước nông nghiệp Cao Xá II	1.090,39	548,488	541,905
5	HTX dùng nước và dịch vụ nông nghiệp xã Việt Lập	1.419,05	735,701	683,351
6	HTX dịch vụ nước nông nghiệp Tân Trung	848,54	441,851	406,691
7	HTX dịch vụ nước nông nghiệp Lan Giới	276,99	140,119	136,873
8	HTX dùng nước và dịch vụ nông nghiệp xã Phúc Hoà	1.281,69	701,185	580,501
9	HTX dịch vụ nước xã Đại Hoá	291,39	141,449	149,9411
10	HTX dùng nước và dịch vụ nông nghiệp xã Cao Thượng	538,39	245,194	293,2
11	HTX dùng nước xã Ngọc Châu	1.146,49	579,915	566,575
12	HTX dùng nước Trung Đồng Ngọc Châu	235,34	126,785	108,552
13	HTX dùng nước xã Ngọc Thiện	810,06	360,076	449,987
14	HTX dùng nước và dịch vụ nông nghiệp xã Hợp Đức	2.201,43	1111,886	1089,545
15	HTX dịch vụ nước và dịch vụ nông nghiệp xã Lam Cốt	613,13	309,213	303,915
16	HTX dịch vụ nông nghiệp xã Quang Tiến	334,87	169,251	165,615
17	HTX dịch vụ nước Ngọc Lý	1.193,32	518,321	675,002
18	HTX dịch vụ nước nông nghiệp Việt Ngọc	329,73	166,805	162,925
19	HTX dùng nước và KDDV nông nghiệp, môi trường xã Liên Sơn	360,76	181,917	178,841
20	HTX dịch vụ và dịch vụ nông nghiệp xã Liên Chung	1.384,59	698,943	685,644
21	HTX dịch vụ tổng hợp xã Nhã Nam	242,45	128,025	114,421
22	HTX dịch vụ nước nông nghiệp An Dương	619,25	251,024	368,228
23	HTX thương mại và dịch vụ nước vật tư nông nghiệp xã Quế Nham	1.218,04	615,242	602,799
24	HTX dịch vụ nước nông nghiệp Song Vân	296,92	147,483	149,432
	Tổng cộng:	19.436,37	9.692	9.744,37

TỔNG HỢP
Kinh phí thực hiện mục tiêu giảm nghèo

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Tổng	Chia ra	
			Năm 2017	Năm 2018
1	Quế Nham	2,2		2,2
2	Ngọc Lý	2,2		2,2
3	Việt Lập	2,2		2,2
4	Cao Thượng	2,2		2,2
5	Hợp Đức	2,2		2,2
6	Phúc Hòa	2,2		2,2
7	Tân Trung	2,2		2,2
8	Nhã Nam	5,2		5,2
9	Lan Giới	5,2		5,2
10	Quang Tiến	2,2		2,2
11	Đại Hóa	2,2		2,2
12	Phúc Sơn	2,2		2,2
13	Lam Cốt	2,2		2,2
14	Việt Ngọc	2,2		2,2
15	Song Vân	2,2		2,2
16	Ngọc Vân	2,16		2,16
17	Ngọc Thiện	2,2		2,2
18	Ngọc Châu	2,2		2,2
19	Cao Xá	2,2		2,2
20	An Dương	2,2		2,2
21	Liên Sơn	2,2		2,2
22	Liên Chung	2,2		2,2
23	TT Cao Thượng	2,2		2,2
24	TT Nhã Nam	2,2		2,2
25	Phòng LDTBXH	511	51	460
26	Phòng NN&PTNT	300	300	
	Tổng cộng:	869,8	351	518,8

TỔNG HỢP

Kinh phí thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Năm 2017						Năm 2018			
		Tổng		Trong đó		Số quyết toán	Tổng	Trong đó		Số quyết toán	
		NSTW, tỉnh	NSH	NSTW, tỉnh	NSH			NSTW, tỉnh	NSH		
1	An Dương	200	200	200	200	200	932	732	200	932	
2	Cao Thương	1.100	1.100	1.000	1.000	1.100	780	680	100	780	
3	Cao Xá	200	200	200	200	200	200	200	200	200	
4	Đại Hóa	1.110	1.110	910	200	1.110	5.891	4.891	1.000	5.623,738	
5	Hợp Đức	200	200	200	200	200	200	200	200	200	
6	Lam Cốt	950	950	750	200	950	5.891	4.891	1.000	5.891	
7	Lan Giới	300	300	300	300	250	300	300	300	300	
8	Liên Chung	1.050	1.050	750	300	1.050	300	300	300	300	
9	Liên Sơn	300	300	300	300	300	635	635	300	435	
10	Ngọc Châu	1.110	1.110	910	200	1.110	5.891	4.891	1.000	5.891	
11	Ngọc Lý	1.100	1.100	1.000	100	1.100	1.055	955	100	1.055	
12	Ngọc Thiện	950	950	750	200	950	932	732	200	932	
13	Ngọc Vân	1.070	1.070	870	200	620	932	732	200	932	
14	Nhã Nam	200	200	200	200	200	200	200	200	200	
15	Phúc Hòa	1.100	1.100	1.000	100	1.100	600	500	100	600	
16	Phúc Sơn	5.585	5.585	4.585	1.000	4.581,488	100	1.180	100	1.179,827	
17	Quang Tiến	300	300	300	300	300	1.180	1.180	100	1.179,827	
18	Quế Nham	390	390	290	100	390	700	600	100	700	
19	Sông Vân	950	950	750	200	950	932	732	200	932	
20	Tân Trung	200	200	200	200	200	200	200	200	200	
21	Việt Lập	5.885	5.885	4.885	1.000	5.685	100	100	100	100	
22	Việt Ngọc	360	360	160	200	360	932	732	200	932	
23	Tổng kinh phí sử dụng tại huyện	3.941,553	3.941,553	3.941,553	-	3.167,834	1.164,558	1.164,558	-	1.019,680	
24	Phòng NN&PTNT	2.212,553	2.212,553	2.212,553		1.439,870	1.164,558	1.164,558		1.019,680	
25	Phòng TN&MT	1.729	1.729	1.729		1.727,964	-	-			
	Tổng cộng:	28.551,553	28.551,553	23.151,553	5.400	26.074,32	30.047,558	24.047,558	6.000,0	29.435,25	

TỔNG HỢP

Kinh phí làm đường bê tông xi măng theo NQ 07/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Năm 2017					Năm 2018				
		Tổng	Trong đó		Số quyết toán	Tổng	Trong đó		Số quyết toán		
			NS tỉnh	NSH			NS tỉnh	NSH			
1	An Dương	573,155	460,140	113,015		2.380,224	1.933,044	447,18			
2	Cao Thượng	603,780	490,518	113,262		2.875,682	2.340,942	534,74			
3	Cao Xá	1.926,386	1.518,103	408,283		1.361,245	1.112,053	249,192			
4	Đại Hóa	1.631,873	1.302,150	329,723		1.940,099	1.618,047	322,052			
5	Hợp Đức	1.351,412	1.098,081	253,331		2.466,423	2.064,646	401,777			
6	Lam Cốt	652,126	528,938	123,188		1.143,367	941,792	201,575			
7	Lan Giới	170,662	136,345	34,317		990,334	801,685	188,649			
8	Liên Chung	249,182	208,001	41,181		1.278,152	1.029,309	248,843			
9	Liên Sơn	-	-	0		177,141	141,926	35,215			
10	Ngọc Châu	1.109,186	917,018	192,168		2.412,388	2.015,686	396,702			
11	Ngọc Lý	-	-	0		676,197	537,638	138,559			
12	Ngọc Thiên	5.036,973	3.892,425	1.144,548		4.632,045	3.820,910	811,135			
13	Ngọc Vân	2.166,310	1.757,644	408,666		1.291,695	1.029,816	261,879			
14	Nhã Nam	256,017	206,393	49,624		3.104,211	2.532,815	571,396			
15	Phúc Hòa	146,913	116,152	30,761		1.086,361	865,068	221,2934			
16	Phúc Sơn	263,341	210,235	53,106		603,378	496,168	107,21			
17	Quang Tiến	-	-	0		2.279,139	1.866,169	412,97			
18	Quê Nham	194,687	152,784	41,903		152,026	121,718	30,308			
19	Song Vân	296,467	232,304	64,163		365,326	318,912	46,414			
20	Tân Trung	404,810	271,152	133,658		1.581,954	1.289,469	292,485			
21	TT Cao Thượng	59,687	47,801	11,886		-	-	0			
22	TT Nhã Nam	-	-	0		548,979	441,713	107,266			
23	Việt Lập	1.977,736	1.599,946	377,79		1.575,517	1.325,160	250,357			
24	Việt Ngọc	532,803	424,669	108,134		1.360,112	1.097,422	262,69			
	Tổng cộng:	19.603,505	15.570,798	4.032,707	-	36.281,995	29.742,108	6.539,887			

TỔNG HỢP

Kinh phí cấp mục tiêu cho các công trình giao thông, chỉnh trang đô thị, trụ sở, NVH... do xã, thị trấn làm chủ đầu tư
(ngoài kinh phí cấp làm đường BTXM theo NQ 07, NTM, hạ tầng nông nghiệp nông thôn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Năm 2017					Năm 2018						
		Tổng	Trong đó		Số quyết toán	Chuyển nguồn sang năm sau	Kết dư NS	Tổng	Trong đó		Số quyết toán	Chuyển nguồn sang năm sau	Kết dư ngân sách
			NS TW, tỉnh	NSH					NS TW, tỉnh	NSH			
1	An Dương	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đại Hóa	1.000	-	1.000	1.000	-	800	-	-	616,182	183,818	-	-
3	Lam Cốt	-	-	-	-	-	2.800	-	-	2.800	-	-	-
4	Lan Giới	1.700	-	1.700	1.700	-	3.400	-	-	3.375	25	-	-
5	Liên Chung	-	-	-	-	-	2.500	-	-	2.500	-	-	-
6	Liên Sơn	2.540	-	2.540	2.472,386	-	1.000	-	-	1.068	-	-	-
7	Ngọc Châu	-	-	-	-	-	500	-	-	500	-	-	-
8	Ngọc Lý	-	-	-	-	-	5.000	-	-	4.669	330,751	-	-
9	Ngọc Thiện	-	-	-	-	-	4.000	-	-	4.000	-	-	-
10	Ngọc Vân	500.000	-	500.000	-	-	-	-	-	214,934	-	-	285,066
11	Nhã Nam	-	-	-	-	-	1.000	-	-	1.000	-	-	-
12	Quang Tiến	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Song Vân	-	-	-	-	-	161	-	-	161	-	-	-
14	TT Nhà Nam	-	-	-	-	-	5.000	-	-	4.958,162	41,838	-	-
15	Việt Lập	1.400	-	1.400	1.400	-	11.400	-	-	6.330	5.070	-	-
16	Việt Ngọc	1.900	-	1.900	1.686,352	-	7.000	-	-	6.159	1.000	-	54,646
>	Tổng cộng:	10.540	-	10.540	9.758,738	-	44.561	-	44.561	38.351,143	6.651,407	-	339,712

TỔNG HỢP

**Kinh phí cấp từ cấp trên cho các công trình do huyện làm chủ đầu tư
trong 2 năm 2017 - 2018**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Tổng số cấp	Năm cấp	Số quyết toán	Chuyển nguồn	Kết dư
1	Nâng cấp nhà làm việc các đơn vị sự nghiệp và TTDS huyện	800	Năm 2017	683,977		116,023
2	Mở rộng đường vào khu lưu niệm 6 Điều Bác hồ dạy CAND tại xã Nhã Nam (gđ2)	834,580	Năm 2017	805,442		29,138
3	GPMB dự án mở rộng đường vào khu lưu niệm 6 Điều Bác hồ dạy CAND tại xã Nhã Nam	818,367	Năm 2017	166,836		651,531
4	Cải tạo nâng cấp đường từ cầu Liềng Phúc Hòa đi Lam Cốt đến Hoàng Thanh huyện Hiệp Hòa	22.000	Năm 2017	22.000		0
5	Cải tạo nâng cấp đường từ cầu Liềng Phúc Hòa đi Lam Cốt đến Hoàng Thanh huyện Hiệp Hòa	19.000	Năm 2018	19.000		0
6	5 trạm y tế huyện Tân Yên	10.500	Năm 2018	3.868,927	6631,073	0
...	Cộng	53.952,947	0	46.525,182	6.631,073	796,692

TỔNG HỢP

Kinh phí huyện cấp cho các xã, thị trấn làm chủ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng đầu giá đất trong 2 năm 2017 - 2018

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên xã	Năm 2017				Năm 2018				Ghi chú
		Số cấp	Số quyết toán	CN sang năm sau	Kết dư NS	Số cấp	Số quyết toán	CN sang năm sau	Kết dư NS	
A	B	1	2			3	4			5
1	Liên Chung	488,317	488,317		-	-	-		-	
2	Liên Sơn	210,745	146,816	-	63,929	-	-	-	-	
3	Ngọc Châu	917,923	893,189	24,734	-	-	-	-	24,734	
4	Ngọc Lý							28,937	-	
5	Ngọc Thiện	2.968,561	2.956,979	11,582		2.092,934	2.086,937	11,492	6,087	
6	Ngọc Vân	1.300,000	1.096,839	-	203,161	-	-	-	-	
7	Nhã Nam							11,823	-	
8	Phúc Hòa	-	-		-	1.150,926	1.030,719	6,700	113,507	
9	Quê Nham							52,342	267,09	
10	Việt Lập	707,032	695,209	11,823	-	5.604,341	5.004,930	599,411	11,823	
11	Lan Giới					276,881	270,967	0	5,914	
>	Tổng cộng:	6.592,578	6.277,349	48,139	267,090	9.125,082	8.393,553	710,705	429,155	

TỔNG HỢP

Kinh phí xây dựng hạ tầng nông nghiệp nông thôn (từ nguồn kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa)

Số TT	Đơn vị	Tên công trình	KP cấp	Năm cấp	Quyết toán	
					NSH	NSX
1	An Dương	Kênh ra cánh đồng Cả thôn Châu	400	2017		400
2	Liên Chung	Đường BTXM cánh đồng mẫu thôn Hậu và đường khu đồng Đình thôn Sáu	402	2017		402
		Đường BTXM cánh đồng mẫu thôn Hậu và đường khu đồng Đình thôn Sáu	298	2018	298	
3	Ngọc Vân	Đường nội đồng thôn Đồng Gai đi Suối Dài	500	2017		500
		Đường nội đồng từ thôn Cầu Đá đi trường Tiểu học khu B, xã Ngọc Vân	280			280
4	Việt Lập	Đường nội đồng thôn Đồng Gai đi Suối Dài	270	2018	270	
		Đường nội đồng từ cửa Đình đi Đồng Chuông thôn Um Ngò	574	2017		574
5	Việt Ngọc	Đường nội đồng từ QL 17 đi thôn Đồng Khoát	245	2017		245
		Đường nội đồng từ trại Han đi thôn An Lạc 1	550	2017		550
		Đường nội đồng từ thôn Chặng đi Đồng Đẹp, đoạn đường từ công ông Du đi bờ Suối	450	2017		450
		Đường nội đồng từ Trại Han đi An Lạc 1	430	2018	430	
		Đường nội đồng từ Đồng Chặng đi Đồng Đẹp	180	2018	180	
		Tổng cộng:	4.579			

TỔNG HỢP
Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học năm 2017-2018

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Năm 2017						Năm 2018				Kết dư NS	
		Tổng	Trong đó		Số quyết toán	Chuyển nguồn sang năm sau	Kết dư NS	Tổng	Trong đó		Số quyết toán		Chuyển nguồn sang năm sau
			NS TW, tỉnh	NSH					NS TW, tỉnh	NSH			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10				
1	An Dương	5.000	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đại Hóa	1.000	1.000	-	1.000	-	200	200	200	200	200	-	-
3	Lam Cốt	-	-	-	-	-	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	-	-
4	Lan Giới	-	-	-	-	-	700	700	700	700	700	-	-
5	Ngọc Thiên	1.850	1.250	600	1.850	-	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	-	-
6	Ngọc Vân	1.000	1.000	-	1.000	-	700	700	700	700	700	-	-
7	Phúc Hòa	-	-	-	-	-	700	700	700	700	700	-	-
8	Phúc Sơn	1.000	1.000	-	1.000	-	600	600	600	600	600	-	-
9	Quang Tiến	1.000	-	1.000	993.397	6.603	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	-	-
10	Tân Trung	1.400	1.000	400	1.400	-	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	-	-
11	TT Cao Thượng	2.500	-	2.500	2.500	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Việt Lập	-	-	-	-	-	750	750	750	750	750	-	-
13	Việt Ngọc	2.550	1.750	800	2.550	-	250	250	250	250	250	-	-
>0	Tổng cộng:	17.300	12.000	5.300	17.293.397	6.603	10.800	3.500	7.300	10.800,0	10.800,0	-	-

TỔNG HỢP

Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất y tế năm 2017-2018

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Năm 2017						Năm 2018				Số quyết toán	Chuyển nguồn	Kết dư NS		
		Tổng	Trong đó		Số quyết toán	Chuyển nguồn	Kết dư NS	Tổng	Trong đó		Số quyết toán				Chuyển nguồn	Kết dư NS
			NS TW, tỉnh	NSH					NS TW, tỉnh	NSH						
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11							
1	Đại Hóa	-	-	-	-	400	-	400	400	-	-	-	-	-		
	XD cải tạo trạm Y tế xã	-				200		200	200			-	-	-		
	Sửa chữa 8 phòng trạm y tế xã	-				200		200	200			-	-	-		
2	Quang Tiến	1.000	-	1.000	944,46	-	55,54	-	-	-	-	-	-	-		
	Trạm y tế	390		390	344,17	-	45,83							-		
	Phụ trợ Trạm y tế	610		610	600,29	-	9,71							-		
3	Việt Lập	240		240	240	-	-							-		
	SC nha lam viec 2 tang	240		240	240	-	-							-		
24	Việt Ngọc	-				-	-							-		
>0	Tổng cộng:	1.240	-	1.240	1.184	400	55,54	-	400	400	-	400	-	-		